SINH KẾ VÀ QUYỀN LỢI CỘNG ĐỒNG VEN BIỂN TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN NINH BÌNH

Nguyễn Văn Bảng*

Nghiên cứu vấn đề đảm bảo lợi ích của dân cư ven biển trong bối cảnh thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển bền vững tại tỉnh Ninh Bình. Với nhiều tiềm năng đột phá nhưng cũng đối mặt với nhiều thách thức về lợi ích. Bằng phương pháp phân tích thực trạng, đánh giá tác động, chỉ ra những vướng mắc trong chuyển đổi sinh kế, khoảng cách về trình độ lao động và áp lực từ biến đổi khí hậu. Từ đó, đề xuất nhóm giải pháp trọng tâm bảo vệ quyền lợi bền vững cho người dân. Mục tiêu là xây dựng cơ chế để cư dân ven biển vừa là chủ thể đóng góp, vừa là đối tượng thụ hưởng trực tiếp các thành quả kinh tế, hướng tới sự phát triển hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường biển.

• Từ khóa: *lợi ích kinh tế, lợi ích dân cư, kinh tế biển, cư dân ven biển, sinh kế cộng đồng.*

This study examines the issue of ensuring the interests of coastal residents in the context of implementing a sustainable marine economic development strategy in Ninh Binh province. While possessing significant potential for breakthroughs, Ninh Binh also faces numerous challenges regarding its interests. Through analysis of the current situation and impact assessment, the study identifies obstacles in livelihood transformation, skill gaps in the workforce, and pressures from climate change. Based on this, it proposes a core set of solutions to protect the sustainable rights of the people. The goal is to build a mechanism where coastal residents are both contributors and direct beneficiaries of economic achievements, aiming for harmonious development between the economy, society, and the marine environment.

• Key words: *economic benefits, population benefits, marine economy, coastal residents, community livelihoods.*

Ngày nhận bài: 16/3/2026
Ngày gửi phản biện: 28/4/2026
Ngày duyệt đăng: 20/5/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i313.58

1. Đặt vấn đề

Từ một địa phương ven biển, Ninh Bình đang dần khẳng định vai trò trung tâm kết nối giao thương quốc tế và "cửa ngõ" chiến lược của tiểu vùng Nam đồng bằng sông Hồng. Hệ thống cảng biển cùng hạ tầng cao tốc ven biển ngày càng đồng bộ đã rút ngắn khoảng cách giữa các trung tâm sản xuất nội địa với thị trường toàn cầu, tạo lợi thế trung chuyển hàng hóa và thu hút dòng vốn đầu tư chất lượng cao. Không gian biển vì thế trở thành "mặt tiền kinh tế", mở rộng liên kết phát triển với các địa phương trong vùng.

Với đường bờ biển dài khoảng 90 km cùng điều kiện tự nhiên thuận lợi, tỉnh đang tập trung phát triển các trụ cột kinh tế biển quy mô lớn. Sự hình thành các khu kinh tế ven biển, hệ thống logistics hiện đại và các vùng nuôi trồng, khai thác thủy sản công nghệ cao đang định hình diện mạo công nghiệp - đô thị biển năng động. Trong Quy hoạch không gian quốc gia đến năm 2030, Ninh Bình được xác định là thực thể kinh tế chiến lược, giữ vai trò động lực tăng trưởng của vùng đồng bằng sông Hồng.

Chiến lược phát triển kinh tế biển của tỉnh đặt cư dân ven biển vào vị trí trung tâm. Tăng trưởng không chỉ đo bằng chỉ số kinh tế mà còn bằng chất lượng sống và an sinh xã hội. Người dân vừa là chủ thể tham gia quy hoạch, quản lý tài nguyên biển, vừa là đối tượng thụ hưởng thành quả phát triển. Việc bảo đảm sinh kế bền vững, nâng cao năng lực thích ứng trước biến đổi khí hậu và duy trì môi trường sống ổn định chính là thước đo quan trọng của chiến lược kinh tế biển hiện nay. Định hướng này phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW (2018) về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045, với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh và phát triển bền vững.

2. Cơ sở lý luận và khung phân tích

Lợi ích là phạm trù kinh tế - xã hội cơ bản, giữ vai trò mục tiêu và động lực của mọi hoạt động con người. Nó phản ánh mức độ thỏa mãn nhu cầu vật chất, tinh thần cũng như giá trị thu được từ việc khai thác nguồn lực hay tham gia các quá trình kinh tế. Theo quan điểm của V.I. Lênin, lợi ích là tiêu chuẩn khách quan định hướng việc lựa chọn phương thức hành động của các chủ thể xã hội.

** Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp; email: nvbang@uneti.edu.vn*

Lợi ích kinh tế là hình thức biểu hiện của các quan hệ kinh tế, phản ánh mức độ thỏa mãn nhu cầu vật chất của các chủ thể thông qua hoạt động sản xuất, kinh doanh và phân phối. Bản chất của lợi ích kinh tế là động lực thúc đẩy các chủ thể tham gia vào quá trình tạo ra và phân phối giá trị. Trong phát triển kinh tế biển, lợi ích kinh tế không chỉ được đo bằng các chỉ số tăng trưởng tài chính mà còn bao hàm khả năng tiếp cận tài nguyên, sự công bằng trong phân phối thành quả và tính bền vững của các phương thức sinh kế.

Trong lĩnh vực kinh tế biển, lợi ích kinh tế được hiểu là hệ thống giá trị gia tăng và tiềm lực tài chính hình thành từ việc quản trị, khai thác hiệu quả không gian biển và nguồn tài nguyên ven bờ.

Đối với cư dân ven biển, lợi ích kinh tế mang nội hàm đa chiều. Trước hết, đó là quyền tiếp cận công bằng đối với tài nguyên biển, quyền được tham gia vào quá trình ra quyết định liên quan đến các dự án ảnh hưởng đến môi trường sống, cũng như quyền được bảo vệ trước các xung đột lợi ích với các dự án phát triển quy mô lớn. Đồng thời, lợi ích còn gắn với khả năng duy trì sinh kế bền vững. Thành công của chiến lược kinh tế biển được đo bằng việc bảo đảm và phát triển năm nguồn vốn sinh kế cơ bản: vốn tự nhiên, vốn con người, vốn xã hội, vốn vật chất và vốn tài chính.

Từ đó, việc đánh giá lợi ích của cư dân ven biển cần dựa trên hệ thống tiêu chí phản ánh cả kết quả kinh tế và năng lực tự cường của cộng đồng, cũng như mức độ tham gia của người dân trong quản trị và khai thác không gian biển địa phương.

Bảng 1. Hệ thống tiêu chí đánh giá mức độ đảm bảo lợi ích của dân cư ven biển

STT	Tiêu chí	Nội dung đánh giá	Chỉ số đo lường
1	Tính công bằng về kinh tế	Đảm bảo sự phân phối thu nhập hài hòa giữa tăng trưởng chung của tỉnh và thu nhập hộ gia đình.	- Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người ven biển so với tốc độ tăng GRDP kinh tế biển. - Tỷ lệ giảm nghèo tại các xã ven biển. - Hệ số bất bình đẳng (Gini) trong cộng đồng.
2	Tính bền vững về sinh kế	Khả năng thích ứng, chuyển đổi nghề nghiệp của người dân trước sự thay đổi cơ cấu kinh tế.	- Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề mới. - Tỷ lệ chuyển dịch từ khai thác thô sang dịch vụ, du lịch, công nghiệp. - Mức độ ổn định việc làm trước biến động thị trường/ thiên tai.
3	Tính bền vững môi trường và an ninh	Bảo vệ không gian sống và nguồn lợi tự nhiên làm nền tảng cho lợi ích lâu dài.	- Diện tích rừng ngập mặn được bảo tồn và trồng mới. - Chỉ số chất lượng môi trường nước biển và ven bờ. - Tỷ lệ dân cư được tiếp cận hạ tầng phòng chống thiên tai an toàn.
4	Sự tham gia và quản trị	Vai trò của cộng đồng trong việc quyết định và quản lý các nguồn lực tại địa phương.	Số lượng mô hình "Đồng quản lý" tài nguyên được thiết lập. - Tỷ lệ các dự án lớn có thực hiện tham vấn ý kiến cộng đồng cư dân. - Mức độ hài lòng của người dân đối với các chính sách kinh tế biển.

3. Thực trạng đảm bảo lợi ích dân cư ven biển

**** Sự chuyển dịch cơ cấu đầu tư và cơ hội việc làm mới***

Giai đoạn 2020 - 2025 ghi nhận sự chuyển mình mạnh mẽ trong dòng vốn đầu tư vào không gian biển của tỉnh. "Tổng cộng 111 dự án đã được triển khai với quy mô vốn lên tới 92 triệu USD và 135.000 tỷ đồng. Điểm nhấn đặc biệt nằm ở năm 2024 khi dòng vốn đổ về đạt 11.523 tỷ đồng"[3] (tăng gấp 5 lần so với 2023), chủ yếu tập trung vào các hạ tầng nền tảng.

Sự hình thành của Khu kinh tế Ninh Cơ với quy mô gần 14.000 ha đã tạo ra "thỏi nam châm" thu hút các tập đoàn lớn như Xuân Thiện và Lenger Việt Nam. Hiện nay, các dự án này đã giải quyết việc làm trực tiếp cho khoảng 5.400 lao động, đồng thời mở ra triển vọng tiếp nhận 65.000 nhân lực trong tương lai gần, tạo cơ hội cho dân cư ven biển chuyển dịch từ lao động tự do sang lao động công nghiệp có tổ chức.

**** Thu nhập và mức độ thụ hưởng lợi ích kinh tế***

Sự phát triển kinh tế biển đã tạo ra bước nhảy vọt về mức sống, hình thành khoảng cách thu nhập tích cực so với mặt bằng chung:

"Về thu nhập bình quân ngành biển: Đạt 7,9 triệu đồng/tháng, cao hơn mức bình quân toàn tỉnh (5,94 triệu đồng) khoảng 33%.

Về cơ cấu thu nhập theo phân ngành: Nuôi trồng và khai thác thủy sản: Đạt mức 7 - 10 triệu đồng/tháng. Đây là sinh kế bền vững của hơn 2.100 hộ dân huyện Kim Sơn nhờ áp dụng công nghệ nuôi bền vững; Dịch vụ logistics và cảng biển: Dao động 7 - 8 triệu đồng/ tháng; Công nghiệp tàu thủy: Đạt 7 - 9 triệu đồng/ tháng, đòi hỏi tay nghề và kỹ thuật cao hơn"[4]

**** Quyền tiếp cận tài nguyên và vai trò cộng đồng trong giám sát***

Lợi ích của cư dân không chỉ dừng lại ở khía cạnh tài chính mà còn mở rộng sang quyền được tham gia quản trị không gian sống:

Bảo tồn sinh kế dựa trên thiên nhiên: Với sự đồng hành của tổ chức MCD và WWF, hơn 1.200 hộ dân tại Giao Thủy và Kim Sơn đã trở thành "chủ thể" bảo vệ 1.800 ha rừng ngập mặn. Việc kết hợp bảo tồn với du lịch sinh thái tại Khu Ramsar Xuân Thủy không chỉ giúp tăng thu nhập mà còn bảo vệ "vốn tự nhiên" trước xâm nhập mặn. "Các mô hình này giúp tăng thu nhập hộ gia đình lên 15 - 20% mỗi năm, đồng thời góp phần gìn giữ tập quán và cảnh quan sinh thái đặc thù"[5].

Cơ chế phản biện xã hội: Sự kiện 150 hộ dân tại Kim Sơn (2021) đối thoại về chính sách giải phóng mặt bằng là minh chứng cho sự chuyển biến từ "đền bù bị động" sang "thỏa thuận lợi ích". Qua đó, các quy hoạch hạ tầng được điều chỉnh minh bạch hơn, giảm thiểu rủi ro mất sinh kế đột ngột cho người dân.

** Đóng góp vào quốc phòng - an ninh và chủ quyền biển đảo*

Lực lượng ngư dân địa phương hiện nay là bộ phận không thể tách rời trong thế trận quốc phòng

toàn dân và an ninh nhân dân trên biển. Dựa trên số liệu từ Niên giám thống kê Nam Định (2020, 2023, 2024), cơ cấu đội tàu cá đã có sự chuyển dịch mang tính chiến lược:

"Sự tinh gọn và hiện đại hóa: Tổng số tàu cá có xu hướng giảm dần (từ 1.952 chiếc năm 2015 xuống còn 1.768 chiếc năm 2024).

Tăng cường năng lực vươn khơi: Trái ngược với xu thế giảm tổng số tàu, lực lượng đánh bắt xa bờ lại tăng trưởng mạnh mẽ, từ 557 tàu (năm 2015) lên 834 tàu (năm 2024)".

Việc gia tăng số lượng tàu công suất lớn không chỉ nâng cao hiệu quả kinh tế mà còn biến mỗi ngư dân thành một "cột mốc sống" khẳng định chủ quyền trên các vùng biển xa. Mối quan hệ giữa Nhà nước và ngư dân mang tính tương hỗ chặt chẽ: Thông qua các chính sách hỗ trợ nhiên liệu, bảo hiểm và đóng mới tàu vỏ thép, Nhà nước tạo điều kiện cho ngư dân bám biển dài ngày. Đổi lại, ngư dân chính là lực lượng tiên phong cung cấp thông tin thực địa, phối hợp cùng các lực lượng chức năng giữ vững an ninh chủ quyền, đồng thời bảo đảm an toàn cho chính không gian sinh kế lâu đời của cộng đồng.

Bảng 2. Chuyển dịch cơ cấu lao động ven biển (2015 - 2025)

STT	Năm	Thủy sản (người)	Công nghiệp ven biển (người)	Dịch vụ biển (người)	Tổng cộng (người)
1	2015	70.000	25.000	20.000	115.000
2	2020	77.500	30.000	22.500	130.000
3	2024	83.500	34.000	24.500	142.000
4	2025	85.000	35.000	25.000	145.000

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của UBND tỉnh và Sở NN&PTNT

Những kết quả tích cực

Kinh tế biển trong những năm gần đây đã tạo ra bước chuyển quan trọng đối với đời sống cư dân ven biển. Trước hết, thu nhập bình quân 7,9 triệu đồng/tháng, cao hơn 33% mức bình quân chung của tỉnh, cho thấy kinh tế biển thực sự trở thành "đòn bẩy" thu nhập. Sự phát triển của các khu kinh tế, đặc biệt là Ninh Cơ, đã làm thay đổi diện mạo nông thôn ven biển, giúp người dân "ly nông bất ly hương" khi vẫn có thể hưởng mức lương công nghiệp ngay tại quê nhà.

Thứ hai, các mô hình sinh kế có sự chuyển dịch tích cực từ khai thác tự nhiên sang các lĩnh vực giá trị gia tăng cao như nuôi trồng công nghệ cao, du lịch sinh thái. Việc kết hợp bảo tồn rừng ngập mặn với du lịch giúp nhiều hộ gia đình tăng thu nhập 15-20% mỗi năm, phản ánh tư duy phát triển bền vững đang ngày càng thấm sâu vào cộng đồng.

Thứ ba, vị thế xã hội của cư dân ven biển được nâng cao. Thông qua các vụ đối thoại chính sách như tại Kim Đông, người dân đã trở thành chủ thể có tiếng nói trong quản trị vùng bờ. Sự đồng hành của các tổ chức xã hội đã tạo nên "lá chắn mềm" bảo vệ lợi ích môi trường - xã hội dài hạn.

Nhìn tổng thể, mức thụ hưởng của dân cư ven biển đã cao hơn đáng kể so với mặt bằng tỉnh. Tuy nhiên, sự tăng trưởng nhanh của các dự án công nghiệp, đặc biệt trong năm 2024, đặt ra áp lực lớn lên đất đai và tài nguyên ven biển. Vì vậy, cơ chế hỗ trợ cần chuyển từ "đền bù một lần" sang "đồng hành và chia sẻ lợi ích" với người dân trong suốt vòng đời dự án.

4. Những thách thức đối với lợi ích dân cư

Dù thành quả kinh tế đã hiện rõ, nhưng để bảo đảm lợi ích bền vững của cộng đồng ven biển, tỉnh vẫn phải đối diện ba nhóm thách thức lớn.

Tác động cực đoan của biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn

Biến đổi khí hậu đang đe dọa trực tiếp "vốn tự nhiên" - nền tảng sinh kế của cư dân ven biển. Xâm nhập mặn diễn biến thất thường, lấn sâu hàng chục kilômét vào đất liền, ảnh hưởng tới hơn 2.100 hộ nuôi trồng thủy sản tại Kim Sơn. Mức độ mặn tăng vượt ngưỡng sinh trưởng của các loài chủ lực như ngao, tôm sú, cá bống bớp, gây thiệt hại lớn. Bão dâng và triều cường bất thường làm hư hại ao đầm, phá vỡ chu kỳ tái sản xuất.

Theo kịch bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), nếu mực nước biển dâng 100 cm, 13,2% diện tích đồng bằng sông Hồng sẽ ngập. Dự báo của tỉnh cho thấy mức độ nguy cơ còn lớn hơn: nếu nước biển dâng 100 cm, có thể tới 58% diện tích bị ngập. Chỉ riêng năm 2021, thiệt hại do thiên tai tại địa phương lên đến hơn 153 tỷ đồng.

Dù thu nhập ngành biển đạt 7,9 triệu đồng/tháng, khả năng tích lũy của người dân lại suy giảm vì chi phí chống chịu khí hậu tăng mạnh. Họ buộc phải đầu tư đê bao cá thể, xử lý nước mặn, hoặc sử dụng giống chịu mặn có giá cao hơn 20-30%. Một cú sốc môi trường có thể cuốn sạch toàn bộ thành quả, nhất là khi cơ chế bảo hiểm rủi ro thiên tai cho nuôi trồng thủy sản còn thiếu hoàn thiện. Nhiều hộ vay vốn lớn có nguy cơ rơi trở lại nghèo, làm lu mờ mục tiêu nhân văn của chiến lược kinh tế biển bền vững.

Xung đột trong quy hoạch và sử dụng không gian phát triển

Sự bùng nổ của các dự án công nghiệp - đô thị đang tạo nên cạnh tranh gay gắt về quỹ đất và mặt nước ven biển. Áp lực phát triển đặt lên rừng ngập mặn và vùng đệm khu Ramsar, làm thu hẹp không gian sinh kế truyền thống của nhiều nhóm dân nghèo. Khi các dự án lấn ra bãi bồi, những hộ phụ thuộc vào

khai thác tự nhiên "không vốn đầu tư" dễ bị loại khỏi chuỗi lợi ích.

Việc thu hồi đất cho hạ tầng cảng biển, logistics, du lịch cao cấp thay đổi cấu trúc tài nguyên vùng bờ, gây xung đột giữa mục tiêu lợi nhuận của doanh nghiệp và mục tiêu ổn định sinh kế của cư dân. Bài học tại Kim Sơn (2021) cho thấy sự thiếu cân bằng thông tin khiến người dân yếu thế trong các thương lượng. Khi bị hạn chế tiếp cận nguồn lợi truyền thống, họ có nguy cơ trở thành "người ngoài" ngay trên quê hương mình.

Bên cạnh đó, các dự án lớn thường kéo theo lệnh cấm hoặc hạn chế đánh bắt ven bờ, vô tình tạo ra rào cản đối với sinh kế cũ của ngư dân. Do đó, điểm cốt lõi không chỉ nằm ở sự hiện diện của dự án, mà ở việc thiếu cơ chế chia sẻ lợi ích và đồng quản lý không gian biển.

Rào cản về trình độ lao động và quá trình chuyển đổi sinh kế

Chuyển dịch từ nông - ngư nghiệp sang công nghiệp - dịch vụ khiến yêu cầu về kỹ năng lao động thay đổi sâu sắc. Mặc dù cư dân ven biển giàu kinh nghiệm thực tế, nhưng họ còn thiếu các kỹ năng kỹ thuật, ngoại ngữ, vận hành máy móc và dịch vụ. Điều này tạo nên khoảng cách rõ rệt trong thu nhập: trong khi các vị trí kỹ thuật tại Khu kinh tế Ninh Cơ đạt trên 15 triệu đồng/tháng, phần lớn lao động địa phương chỉ nhận 7-9 triệu đồng/tháng.

Quá trình tái cấu trúc sinh kế đòi hỏi đầu tư lớn vào đào tạo. Tuy nhiên, hệ thống đào tạo nghề địa phương chưa theo kịp nhu cầu của doanh nghiệp trong các lĩnh vực như sửa chữa tàu biển, logistics, nuôi trồng công nghệ cao. Nếu không can thiệp, lao động tay nghề cao từ nơi khác sẽ chiếm các vị trí tốt, đẩy người dân địa phương ra khỏi dòng chảy lợi ích.

Những thách thức này cho thấy lợi ích dân cư ven biển chịu sức ép từ sự lệch pha giữa tốc độ phát triển dự án và năng lực thích ứng của cộng đồng. Điều này đòi hỏi một chiến lược bảo trợ xã hội đa tầng, gắn kết chặt chẽ với đào tạo nhân lực dài hạn.

5. Một số giải pháp bảo đảm lợi ích bền vững

Nhóm giải pháp về quy hoạch và chính sách

Cần thể chế hóa quyền tham vấn của cộng đồng trong mọi giai đoạn dự án, bảo đảm người dân được công nhận là chủ thể có quyền biểu quyết. Hình thành quỹ hỗ trợ sinh kế cộng đồng, trích từ lợi nhuận của doanh nghiệp, nhằm chi trả bảo hiểm thiên tai, hỗ trợ vay vốn và đào tạo nghề. Thúc đẩy mô hình đồng quản lý rừng ngập mặn, giao quyền giám sát và khai thác bền vững cho cộng đồng.

Nhóm giải pháp về môi trường và thích ứng khí hậu

Đẩy mạnh quản trị tài nguyên nước, ngăn chặn sụt lún và xâm nhập mặn; nâng cấp hệ thống đê biển - đê sông theo kịch bản nước biển dâng; phát triển giống cây trồng - vật nuôi chịu mặn; kiểm soát dịch bệnh sau thiên tai; khuyến khích năng lượng tái tạo và công nghệ tuần hoàn; bảo vệ nghiêm ngặt hệ sinh thái rừng ngập mặn.

Nhóm giải pháp về chuyển đổi sinh kế

Mở rộng du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái, hỗ trợ người dân kinh doanh homestay, hướng dẫn viên bản địa, sản phẩm OCOP; thúc đẩy thủy sản công nghệ cao như mô hình nuôi trong nhà màng, tuần hoàn nước để giảm rủi ro.

Nhóm giải pháp về hạ tầng và kết nối

Nâng cấp đê biển, hạ tầng giao thông, khu neo đậu tàu thuyền, hậu cần nghề cá. Tăng cường liên kết vùng Nam Định - Ninh Bình - Hà Nam, hình thành chuỗi cung ứng biển khép kín. Đầu tư trung tâm đào tạo nghề biển gắn với nhu cầu doanh nghiệp, giúp lao động ven biển tiếp cận các vị trí có thu nhập cao.

Chính quyền cần minh bạch hóa quy hoạch không gian biển, ưu tiên quỹ đất cho sinh kế cộng đồng bền vững, thiết lập cơ chế chia sẻ lợi nhuận giữa doanh nghiệp và người dân. Doanh nghiệp cần chủ động đào tạo nhân lực địa phương, áp dụng công nghệ sạch, bảo vệ môi trường. Người dân và tổ chức xã hội cần chủ động chuyển đổi tư duy sản xuất, tham gia giám sát cộng đồng và bảo vệ sinh thái ven biển.

Kết luận: Đảm bảo lợi ích bền vững cho cư dân ven biển là thước đo thành công của kinh tế biển. Khi xung đột không gian được hóa giải, khi trình độ lao động được nâng lên, người dân sẽ trở thành "chủ thể của phát triển", thay vì chỉ là đối tượng chịu tác động. Một cộng đồng có sinh kế ổn định, thu nhập cao và năng lực thích ứng mạnh mẽ chính là nền móng cho sự thịnh vượng bền vững. Khi quyền lợi gắn liền trách nhiệm, mỗi ngư dân sẽ là một "cột mốc sống", vừa bảo vệ chủ quyền biển đảo, vừa thúc đẩy mô hình kinh tế xanh trong tương lai.

Tài liệu tham khảo:

Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban chấp hành Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

V.I.Lênin (1976), Toàn tập, Tập 39, Nxb Tiến Bộ, Mát-xcơ-va.

UBND tỉnh Ninh Bình (2021 - 2025), Báo cáo tình hình phát triển KT - XH

Báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Bình, năm 2024.

Trung tâm Bảo tồn Sinh vật biển và Phát triển Cộng đồng (MCD) (2022), Báo cáo dự án thúc đẩy vai trò cộng đồng trong bảo tồn rừng ngập mặn tại Giao Thủy và Kim Sơn.

Niên giám thống kê Nam Định (Cũ) năm 2020, 2023, 2024.

Bộ Tài nguyên và Môi trường (2016), Tóm tắt kịch bản Biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam.

Sở Tài nguyên và Môi trường Nam Định năm 2016 (cũ), Số: 2256/STNMT-KTTV V/v đề xuất nhiệm vụ để xây dựng kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

UBND tỉnh Nam Định. (2024) (Cũ). Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.